TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2019/DS-ST
Ngày: 22-5-2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thanh

2. Ông Nguyễn Hữu Tố

- Thư ký phiên tòa: Chị Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc "tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Vợ chồng ông Văn Hữu T, sinh năm 1984

Bà Võ Thị Kim O, sinh năm 1988 (CM)

Địa chỉ: Thôn T T 2, xã TQ B, huyện H N, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của ông Văn Hữu T là bà Võ Thị Kim O, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T T 2, xã TQ B, huyện H N, tỉnh Bình Định theo hợp đồng ủy quyền ngày 14/9/2017.

* *Bị đơn*: Ông Văn Hữu C, sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn T T, xã TQ B, huyện H N, tỉnh Bình Định.

(Ông C đề nghị xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1 - Ông Văn Hữu S, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn T T 2, xã TQ B, huyện H N, tỉnh Bình Định.

2 - Ông Văn Hữu L, sinh năm 1972

Địa chỉ:, thôn 2, xã P T, huyện T P, tỉnh B T

3 - Bà Văn Thị Kim L, sinh năm 1976

Địa chỉ: 15/4B, tổ 8, khu phố 5, phường T H, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai.

4 - Ông Văn Hữu C, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố 1, L Đ, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Bình Thuận.

5 - Bà Văn Thị M, sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm 2, thôn 2, xã P T, huyện T P, tỉnh Bình Thuận.

6 - Bà Văn Thị T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn 1, xã P T, huyện T P, tỉnh Bình Thuận.

(Ông S, ông L, bà L, ông C, bà M, bà T đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vợ chồng ông Văn Hữu T và *bà Võ Thị Kim O trình bày:* Ông bà nội của ông Văn Hữu T là cụ Văn Hữu N (chết năm 1996) và cụ Trần Thị N (chết 2016). Ông bà nội ông T có 4 người con là Văn Hữu L, Văn Thị T, Văn Thị M và ông Văn Hữu C. Cha ông T là Văn Hữu L chết vào năm 1987 có các người con là Văn Hữu S, Văn Hữu L, Văn Hữu C, Văn Hữu T và Văn Thị Kim L.

Ông bà nội ông T chết để lại di sản thừa kế là thửa đất số 639 tờ bản đồ số 08 diện tích 194m^2 tại thôn T T 2, xã TQB, huyện H N, tỉnh Bình Định được UBND huyện H N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00773QSDĐ/A4 ngày 04/11/2005. Cụ Trần Thị N lập di chúc để lại di sản là ½ thửa đất thuộc quyền sử dụng của cụ N và phần đất là kỷ phần cụ Ngao được hưởng từ chồng cụ là Văn Hữu N thuộc thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông T bà O. Di chúc được Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bình Định công chứng ngày 22/9/2011. Ông T bà O yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N theo di chúc và chia đi sản của cụ N chết để lại theo pháp luật.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Văn Hữu C trình bày: Cha ông là cụ Văn Hữu N chết tháng 5 năm 1996, mẹ ông là cụ Trần Thị N chết năm 2016. Cha mẹ ông có 4 người con là Văn Hữu L chết năm 1987, Văn Thị T, Văn Thị M và ông C. Cha mẹ ông chết có để lại di sản thừa kế là thửa đất số 639 tờ bản đồ số 08 diện tích 194m^2 tại thôn T T 2, xã T Q B, huyện H N, tỉnh Bình Định. Cha ông C chết không để lại di chúc, mẹ ông C chết để lại di chúc giao tài sản cho Văn Hữu T thừa hưởng ông C không tranh chấp gì. Riêng phần di sản của cha ông C chết để lại, ông C yêu cầu được chia bằng hiện vật là diện tích đất trong thửa đất số 639 tờ bản đồ số 08, tài sản trên thửa đất này ông Chính không yêu cầu và không tranh chấp.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị M, bà Văn Thị T, ông Văn Hữu S, ông Văn Hữu L, ông Văn Hữu C và bà Văn Thị Kim L đều trình bày: Việc yêu cầu chia di sản thừa kế của vợ chồng ông T bà O; các ông bà không yêu cầu tranh chấp gì, kỷ phần các ông bà được hưởng giao cho ông T nhận.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuy có vi phạm về thời hạn xét xử nhưng nhìn chung là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện viện kiểm sát phân tích và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T bà O về chia di sản thừa kế của cụ Ngao theo di chúc và chia di sản thừa kế của cụ N theo pháp luật. Chấp nhận yêu cầu của ông C, nhưng vì diện tích đất ông C được hưởng nhỏ hơn 40m^2 nên buộc vợ chồng ông T bà O thanh toán cho ông C bằng tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Văn Hữu S, ông Văn Hữu L, bà Văn Thị Kim L, ông Văn Hữu C, bà Văn Thị M, bà Văn Thị T và Văn Hữu T đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông S, ông L, bà L, ông C, bà M, bà T và ông T.

[2] Cụ Văn Hữu N chết năm 1996, cụ Trần Thị N chết năm 2016. Vợ chồng cụ Nghiêm cụ N có 4 người con là Văn Hữu L, Văn Thị T, Văn Thị M và Văn Hữu C. Văn Hữu L chết năm 1987, có các người con là Văn Hữu S, Văn Hữu L, Văn Hữu C, Văn Hữu T và Văn Thị Kim L

[3] Vợ chồng cụ N cụ Ngao chết để lại di sản thừa kế là thửa đất số 639 tờ bản đồ số 08 tại thôn T T 2, xã T Q B, huyện H N, tỉnh Bình Định có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00773QSDĐ/A4 ngày 04/11/2005 là 194m^2 đất ở, nhưng đo đạt thực tế theo biên bản định giá tài sản ngày 09/3/2018 là 175m^2. Cụ N chết không để lại di chúc, cụ N chết có di chúc để lại di sản thừa kế là ½ thửa đất thuộc quyền sử dụng của cụ N và phần đất là kỷ phần cụ N được hưởng từ chồng cụ là Văn Hữu N thuộc thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông T bà O. Di chúc được Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bình Định công chứng ngày 22/9/2011, là di chúc hợp pháp.

[4]Thửa đất số 639 tờ bản đồ số 08 diện tích đo đạt thực tế 175m^2 đất ở tại thôn T T 2, xã T Q B, huyện H N, tỉnh Bình Định là tài sản chung của vợ chồng cụ N cụ N, mỗi cụ được quyền sử dụng ½ diện tích là 87,5m^2 đất ở. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nghiêm là cụ N, Văn Hữu L, Văn Thị T, Văn Thị M và Văn Hữu C. Văn Hữu L chết Văn Hữu S, Văn Hữu L, Văn Hữu C, Văn Hữu T và Văn Thị Kim L là những người thừa kế thế vị. Như vậy 87,5m^2 đất ở được chia cho những người được hưởng thừa kế của cụ Nghiêm, mỗi người được hưởng là 17,5m^2 đất ở. Bà Văn Thị M, bà Văn Thị T, ông Văn Hữu S, ông Văn Hữu L, ông Văn Hữu C và bà Văn Thị Kim L đều giao phần được hưởng thừa kế cho Văn Hữu T nhận. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/3/2019, ông Tiên thống nhất xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông Văn Hữu T và bà Võ Thị Kim O.

Riêng ông C yêu cầu được nhận bằng hiện vật là điện tích đất, nhưng vì diện tích đất ở ông C được hưởng thừa kế chỉ có 17,5m^2 (nhỏ hơn 40m^2) nên không thể chấp nhận yêu cầu của ông C được, mà ông C chỉ được hưởng bằng giá trị tính theo biên bản định giá của Hội đồng định giá ngày 09/3/2018 là 10.500.000 đồng.

Từ những căn cứ trên, nghĩ nên giao cho vợ chồng ông T bà O trọn quyền sử dụng thửa đất số 639 tờ bản đồ số 08 diện tích 175m^2 đất ở tại thôn Tân Thành 2, xã TQ B, huyện H N, tỉnh Bình Định theo di chúc của cụ N và hưởng di sản của cụ N theo pháp luật. Vợ chồng ông T bà O có trách nhiệm thanh toán cho ông C 10.500.000 đồng là phù hợp và đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Chi phí định giá: Bà O tự nguyện chịu 1.500.000 đồng, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông T bà O được nhận 157,5m^2 đất ở giá trị 94.500.000 đồng nên án phí phải chịu là 4.725.000đồng

Giá trị di sản thừa kế ông C được hưởng 10.500.000 đồng, án phí ông C phải chịu là 525.000 đồng.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 624, 625, 626, 628, 630, 643, 649, 650, 651, 652, 659, 660 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Văn Hữu T bà Võ Thị Kim O, giao cho vợ chồng ông T bà O trọn quyền sử dụng thửa đất số 639 tờ bản đồ số 08 diện tích tính theo đo đạt thực tế là 175m^2 đất ở tại thôn T T 2, xã T Q B, huyện H N, tỉnh Bình Định, có giới cận:

-Phía Bắc giáp thửa đất 473 dài 23,3m

-Phía Nam giáp thửa đất 475 dài 20,7m

-Phía Đông giáp thửa đất 477 dài 6,35m

-Phía Tây giáp đường bê tông dài 10,6m

(có sơ đồ kèm theo)

Tài sản trên thửa đất này các bên không yêu cầu tranh chấp nên miễn xét

Buộc vợ chồng ông T bà O phải thanh toán cho ông Văn Hữu C 10.500.000 đồng.

2/ Chi phí định giá tài sản: Bà O tự nguyện chịu 1.500.000 đồng, bà O đã nộp đủ.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu sung vào ngân sách Nhà nước:

-Vợ chồng ông T bà O phải chịu là 4.725.000đồng, tiền tạm ứng án phí vợ chồng ông T bà O đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003594 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hoài Nhơn được khấu trừ, số tiền còn lại vợ chồng ông T bà O phải chịu là 4.425.000 đồng.

-Ông C phải chịu là 525.000 đồng.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- Đương sự.
- TAND tỉnh Bình Định.
- VKSND huyện Hoài Nhơn.
- Chi cục THADS huyện Hoài Nhơn.
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Hương